

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 21-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định; Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 06-01-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1985, tại: Nam Định.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông: Nguyễn Đức K, sinh năm 1962; con bà: Đinh Thị L, sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ của Công an huyện V từ ngày 10-11-2021 đến ngày 06-12-2021 thực hiện biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 01 ngày 06-12-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và quyết định về việc bảo lãnh số 08 ngày 06-12-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

- Bị hại: Chị Vũ Thị T, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng:

1. Anh Bùi Văn D “Vắng mặt”.

2. Chị Nguyễn Thị T “Vắng mặt”.

3. Chị Nguyễn Thị H “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là công nhân cắt may, làm việc tại công ty Bảo Long, thuộc cụm công nghiệp xã T, huyện V từ tháng 8-2021. Ngày 09-11-2021 T có ca làm việc từ 19h30 phút ngày 09-11-2021 đến 7h30 phút sáng ngày 10-11-2021 cùng 4 công nhân khác tại xưởng tầng 1. Trong quá trình làm việc đến khoảng 22h ngày 09-11-2021, thấy giám đốc công ty là chị Vũ Thị T đi đến công ty và lên xưởng để kiểm tra công nhân lao động cùng máy móc. T quyết định đi xuống phòng nghỉ của chị T để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T thấy cửa phòng của chị T khép hờ, không có ai ở bên trong, T tiếp tục đi vào trong phòng tìm kiếm tiền để trộm cắp. Khi đi đến chỗ giường ngủ của chị T, thấy 1 ví da màu đen để ở gần đầu giường phía ngoài, T cầm lên và mở khóa ra, thấy bên trong ví có tiền, T dùng tay phải lấy hết số tiền rồi kéo khóa ví lại, đặt ví vào vị trí cũ và đi ra ngoài. Đi đến đầu hồ nước của công ty, T bỏ số tiền vừa trộm cắp được vào túi quần bên phải của mình và đi đến chỗ để xe mô tô BKS 18D1-04179 của T ở gần đó. Do sợ bị phát hiện, T nhét 01 túi nilon màu đen ở góc cây xanh gần đó, xé đôi túi ra, chia số tiền vừa trộm cắp được ra làm đôi và gói vào 2 mảnh túi bóng vừa xé, sau đó T quay lại chỗ bờ hồ nước, nhét 01 cuộn băng giấy dán ở mép bờ hồ, dùng cuộn băng giấy này cuốn chặt hai gói tiền lại mục đích để cho xăng không ngấm vào bên trong số tiền này và T dùng sợi dây quai khẩu trang y tế đang đeo buộc 1 gói tiền lại, sau đó T nhét cả 2 gói tiền vào bên trong bình xăng xe mô tô, rồi đóng cốp xe lại và đi vào làm việc bình thường.

Sáng ngày 10-11-2021 sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Vũ Thị T đã có đơn trình báo gửi tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

Khám xét khẩn cấp chiếc xe mô tô BKS 18D1-04179 của Nguyễn Đức T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã phát hiện và thu giữ trong bình xăng xe mô tô trên có 2 gói ni lon màu đen, bên trong có tổng số tiền 36.312.000đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

Quá trình điều tra mở rộng còn có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 02h30 phút ngày 16-10-2021, cũng tại phòng làm việc của chị Vũ Thị T ở công ty Bảo Long, thuộc cụm công nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của chị Vũ Thị T để ở ngăn tủ bàn làm việc của chị T sau đó sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ và trả lại cho chị Vũ Thị T 01 ví da màu đen và số tiền 36.312.000đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng), Nguyễn Đức T đã

tự nguyện trả lại cho chị Vũ Thị T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), chị Thom đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo màu đỏ đen BKS 18D1-04179, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra quyết định trả lại cho Nguyễn Đức T;

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSVB ngày 05-01-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo trình bày do hoàn cảnh của gia đình bị cáo quá khó khăn, vợ bị cáo sau khi sinh con thứ 3 thì bị teo 2 chân và đang bị liệt, con bị cáo sau khi mổ sinh ra thì bị dẫn bề thận, phải đi điều trị triền miên do đó bị cáo đã đi trộm cắp tài sản, bị cáo rất ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 24 tháng đến 27 tháng cải tạo không giam giữ (bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam);

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục.

- Miễn khấu trừ một phần thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.
- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ vì không có giá trị sử dụng.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Người bị hại và những người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên toà, tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám xét; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Lời khai của người bị hại và lời khai của những người làm chứng tại cơ quan điều tra; các biên bản điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 09-11-2021, tại phòng làm việc của chị Vũ Thị T ở công ty Bảo Long, thuộc cụm công nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; Lợi dụng lúc chị T không có mặt trong phòng, Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút vào phòng của chị T chiếm đoạt số tiền 36.312.000đ (ba mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) của chị T đang để trong ví trên giường rồi mang ra giấu vào cốp xe với mục đích dùng vào việc tiêu xài. Quá trình điều tra còn có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 02h30 phút ngày 16-10-2021 cũng tại phòng làm việc của chị Vũ Thị T ở công ty Bảo Long, Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của chị T sau đó sử dụng hết vào việc tiêu xài.

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo và hậu quả xảy ra với những quy định của pháp luật hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh chính trị tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy cần xử lý nghiêm trước pháp luật và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T 02 lần trộm cắp tài sản của chị T, ngày 16-10-2021 trộm cắp 2.000.000 đồng, ngày 09-11-2021 trộm cắp 36.312.000đ do đó bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo đã thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo bị liệt 2 chân, con bị cáo bị giãn bề thận do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại số tiền bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, hiện nay bị cáo chưa có việc làm, không có thu nhập do đó không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[9]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu huỷ các vật chứng đã thu giữ vì không có giá trị sử dụng.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 27 (*hai mươi bảy*) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-11-2021 đến ngày 06-12-2021 là 27 ngày được quy đổi thành 81 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 24 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu huỷ các vật chứng đã thu giữ gồm:

- 01 mảnh túi nilon màu đen KT (43x30) cm
- 01 mảnh túi nilon màu đen KT (38x22) cm.
- 01 dây vải màu trắng dài 18,5 cm.
- 01 dây giấy dán màu trắng KT (43,5x2) cm.
- 01 dây giấy dán màu trắng KT (38x2) cm.
- 01 dây giấy dán màu trắng KT (37,5x2) cm.

(Vật chứng có đặc điểm, chủng loại như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07-01-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh NĐ.
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV 06 CA tỉnh NĐ;
- UBND xã Y, huyện Y, NĐ
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm